TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HSST
Ngày: 12 - 4- 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Dương Thanh Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2023/HSST ngày 09 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu A; giới tính: Nam, sinh năm 2000 tại tỉnh V; Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 129 ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh V; Nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Phật; Trình độ văn hóa: 08/12; Con ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1970) và bà Từ Thị Cẩm N (sinh năm 1974); Hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự : không. Bị cáo bị bắt và tạm giam ngày 25/10/2022 (Có mặt).

Bị hại :

- Anh Lâm Quang T, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp M 01, xã L, huyện S, tỉnh V (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp M 01, xã L, huyện S, tỉnh V (vắng mặt)

- Bà Từ Thị Cẩm N, sinh năm 1974; Địa chỉ: 129 ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh V (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 01 giờ 22 ngày 18/07/2021, anh Nguyễn Trọng N (SN: 2002; nơi thường trú: Ấp C, xã H, huyện Q, tỉnh V; tạm trú 1050/68, đường E, phường K, quận G) đang ở nhà chơi điện tử thì bạn ở chung nhà tên Nguyễn Hữu A và anh Lâm Quang T (SN: 1995, Cư trú: Ấp M 1, xã L, huyện S, tỉnh V; tạm trú: 1050/68 đường E, phường K, quận G) thì A hỏi mượn xe máy hiệu Honda SH150i màu trắng, biển số 84G1- 661.65 của anh T và nói để đi đón bạn gái, vì lúc này anh T đang ngủ trong phòng và lúc đó thì N đang chơi điện tử nên N không trả lời. Thấy vậy, A lấy chìa khóa xe để ở trên bàn rồi tự lấy xe đi, giấy đăng ký xe để dưới yên xe. Sau đó, anh T thức dậy đi xuống không thấy xe của mình đâu và cũng không thấy A nên mới hỏi N thì N nói thấy A lấy chìa khóa xe tưởng là đi chung với T. Anh T liền liên lạc với A thì A nói qua nhà bạn gái ở quận 12 rồi về trả lại xe cho T nhưng sau đó anh T điện thoại nhiều lần cho A nhưng A khóa điện thoại nên không liên lạc được. Do đang trong thời gian đang thực hiện giãn cách Xã hội theo nghị định 16/CP về Phòng chống dịch Covid 19 mà T không có giấy tờ để ra ngoài còn N thì có giấy xác nhận nên đến ngày 22/07/2021 anh N đến Công an phường 8, quận Gò Vấp trình báo sự việc trên vì lúc A lấy xe đi thì N nhìn thấy và biết hết toàn bộ sự việc.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Gò Vấp tiến hành cho Lâm Quang T, Nguyễn Trọng N nhận dạng qua ảnh của Nguyễn Hữu A thì cả T và N đều xác định Nguyễn Hữu A là người đã lấy xe máy của anh Lâm Quang T như nêu trên (BL: 61 -66)

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Gò Vấp, Nguyễn Hữu A khai nhận: Bản thân là bạn bè quen biết và ở cùng quê với Trong và N Do A bị nợ ở quê nên có liên lạc với T và N xin lên thành phố Hồ Chí Minh ở chung để lánh nợ và nhờ T xin việc làm, T đồng ý nên tháng 6/2021, A lên ở chung nhà với T và N tại địa chỉ: 1050/68, Đường E, phường K, quận G. Khoảng 01 giờ 20 phút, ngày 18/7/2021, A vào nhà không nhìn thấy T mà chỉ thấy N đang ngồi chơi điện tử trên điện thoại di động nên Tưởng có nói là mượn xe của T để đi đón bạn gái ở quận 12, lúc này N đang tập trung chơi điện tử nên không trả lời nên A lấy chìa khóa xe để ở trên bàn rồi tự lấy xe đi. Sau đó T và N liên tục gọi điện thoại cho A yêu cầu đem xe về trả, A hứa là sẽ đem xe về trả cho T. Tuy nhiên, thời gian này tình hình dịch bệnh Covid 19 nên A không có việc làm, không có tiền tiêu xài. Lúc này A nảy sinh ý định chiếm đoạt xe bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, A không đem xe về trả cho T mà A liên lạc với Hưng và hẹn gặp nhau ở đầu đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương và A 01 mình chạy xe máy của T đến nơi hẹn. Đợi khoảng 40 phút thì A thấy Hưng chạy xe ô tô bán tải đến (không xác định được hiệu xe và biển số xe), A đưa xe máy mới chiếm đoạt được lên ô tô bán tải và lên xe để Hưng chở về đến trước cổng nghĩa trang tỉnh Vĩnh Long (dưới chân cầu Mỹ Thuận). Tại đây, A gặp 01 thanh niên tự giới thiệu tên là Thưởng (người quen của Hưng) và đồng ý mua chiếc xe hiệu Honda SH150i màu trắng, biển số 84G1-661.65 của A đem về với giá: 29.000.000 đồng. Sau khi A nhận tiền thì Hưng chở A về thuê phòng khách sạn ở thành phố Vĩnh Long để ngủ còn Hưng thì về nhà, sau đó A bỏ về nhà ở V sinh sống và lánh mặt không gặp T và N trong suốt thời

gian này mặc dù T đã nhiều lần đến nhà A để giải quyết nhưng vẫn không có kết quả. Khi Công an tỉnh V mời A lên làm việc theo yêu cầu Ủy thác điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp và A cũng đã khai nhận lấy xe của T như nêu trên. Số tiền bán xe của T thì A đã tiêu xài hết (BL:69,70, 75- 78)

Vật chứng vụ án:

- Một xe máy hiệu Honda SH150i màu trắng, biển số 84G1- 661.65. Tại bản kết luận định giá tài sản số 210/KL – HĐĐGTS, ngày 12/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp quận thì xe này có trị giá là 95.166.667 đồng. Xác minh nguồn gốc chiếc xe máy hiệu Honda SH150i màu trắng, biển số 84G1661.65, số khung: RLHKF4208MY000394; số máy: KF42E0022781 là do bà Trần Thị M – SN:1973, Cư ngụ: Ấp M 2, xã L, huyện S, tỉnh V (là mẹ ruột của Lâm Quang T) đứng tên chủ sở hữu. Bà M xác nhận mua chiếc xe này cho T toàn quyền sử dụng cho đến khi bị A mượn xe rồi đem bán. Bà Trần Thị M yêu cầu A trả lại xe.

- 01 USB chứa đoạn video ghi lại hình ảnh Nguyễn Hữu A lấy xe từ trong nhà ra ngoài.

Đối với H và T (Chưa rõ nhân thân lai lịch). Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Gò Vấp tiếp tục điều tra, xác minh khi nào có căn cứ sẽ đề nghị xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 36/Ctr-VKS, ngày 06/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu A về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Hữu A đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp sau khi phân tích nội dung vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm kể từ ngày tuyên án.

- Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

- Tịch thu lưu kèm hồ sơ vụ án 1 USB

Qua ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát bị cáo nhất trí và không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai của người làm chứng, cùng với tang vật đã thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan Công an quận Gò Vấp, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 95.166.667 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Nguyễn Hữu A đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung như Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, lòng tin của người bị hại để thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra, khi mượn chiếc xe của bị hại thì bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe bán lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Pháp luật và Nhà nước bảo hộ. Mặt khác, còn gây ảnh hưởng tác động xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội và trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo chỉ vì muốn có tiền tiêu xài phục vụ cho những nhu cầu cá nhân mà không phải thông qua lao động chân chính nên đã thực hiện hành vi phạm tội, cần thiết phải xử lý nghiêm.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo một số tình tiết: Tại cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa hôm nay bị cáo đã thật thà khai báo, thành khẩn nhận tội, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại số tiền 90.000.000 đồng, người bị hại đã nhận đủ tiền và có đơn bãi nại cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 25/10/2022 đến nay, thời gian tạm giam trên cũng đủ để các bị cáo thấy được lỗi lầm về hành vi sai trái mà mình đã thực hiện. Mặt khác, gia đình bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử coi đây là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình. Qua đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, nghĩ không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách lâu dài, tạo điều kiện cho bị cáo lao động, cải tạo sống có ích cho xã hội. Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đối với H và T (Chưa rõ nhân thân lai lịch). Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Gò Vấp tiếp tục điều tra, xác minh khi nào có căn cứ sẽ đề nghị xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự : Tại phiên tòa, bị hại anh Lâm Quang T vắng mặt nhưng qua hồ sơ thể hiện, anh T và mẹ ruột của anh T là bà Trần Thị M đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 90.000.000 đồng, anh T và bà M đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt, đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Số tiền bồi thường là do bà Từ Thị Cẩm N là mẹ ruột của bị cáo đứng ra bồi thường, tại phiên tòa bà N xác định cho luôn bị cáo không yêu cầu bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Một xe máy hiệu Honda SH150i màu trắng, biển số 84G1- 661.65. Xác minh nguồn gốc chiếc xe máy hiệu Honda SH150i màu trắng, biển số 84G1661.65, số khung: RLHKF4208MY000394; số máy: KF42E0022781 là do bà Trần Thị M (là mẹ ruột của Lâm Quang T) đứng tên chủ sở hữu. Bà M xác nhận mua chiếc xe này cho T toàn quyền sử dụng cho đến khi bị A mượn xe rồi đem bán. Chiếc xe hiện bị cáo đã bán cho đối tượng không rõ lai lịch, không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 USB chứa đoạn video ghi lại hình ảnh Nguyễn Hữu A lấy xe từ trong nhà ra ngoài. Xét, đây là vật chứng của vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu lưu kèm hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu A phạm tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu A cho Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh V giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Hữu A ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tam giam về một tội phạm khác.

Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1, 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu lưu kèm hồ sơ vụ án 1 USB

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 ; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo và người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người tham gia tố tụng vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- Chi cục thi hành án quận Gò Vấp;
- Công an quận Gò Vấp;
- Viện kiểm sát quận Gò Vấp;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- PC27 công an TPHCM;
- THA hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương